

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2020
V/v ly hôn giữa chị T và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm P, thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Phạm Đức N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Đức N đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 10/2019 chị và anh N đã sống ly thân không quan tâm

gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức N;

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Khánh L, sinh ngày 12/7/2015 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục, trực tiếp nuôi, chăm sóc con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị;

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đức N đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh N không đến, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại biên bản xác minh của Tòa án, đại diện Ủy ban xã N cung cấp: Anh Phạm Đức N là con trai ông Phạm Đình N có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Năm 2015 anh N và chị Vũ Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L hiện đang ở với chị Trang. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh N với nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, hiện anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Ủy ban nhân dân xã đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N, đồng thời tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đối với anh N tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, việc anh N không đến Tòa án làm việc với lý do gì địa phương không biết.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh N đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn (chị T) đã thực hiện đúng; bị đơn (anh N) đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Đức N. Tiếp tục giao con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 12/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành có khả năng lao động; Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Phạm Đức N đã được Tòa án niêm yết thủ tục phiên tòa 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Đức N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ tháng 10 năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn. Anh Phạm Đức N biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh đã có ý thức bỏ mặc không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chung sống đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh N không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Đức N của chị Vũ Thị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung chưa thành niên: Các đương sự có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 12/7/2015. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Cháu L còn nhỏ, chị T có nguyện vọng tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; hiện chị làm công nhân may có thu nhập ổn định, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Sự tự nguyện của chị T không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Phạm Khánh L cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Đức N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Đức N.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Vũ Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 12/7/2015; chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh Phạm Đức N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0001095, ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, chị Trang đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Đức N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh